TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày: 09-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Đém.**

2/ Ông **Trần Văn Ẩn.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lâm Diệu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc Đoàn** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994; tại: huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Bé T và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: 01 lần (Ngày 16/6/2022, bị Công an xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc, đã nộp phạt ngày 21/6/2022). Về nhân thân: Ngày 20/3/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Ngày 30/8/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc". Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh **Nguyễn Chí L**, sinh năm 1992. "có mặt"

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968. "có mặt"

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1975. "có mặt"

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1/ Anh **Phạm Mạnh C**, sinh năm 1999. "vắng mặt"

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Anh **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1995. "vắng mặt"

Địa chỉ cư trú: khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1977. "có mặt"

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Chị **Đặng Thị Ngọc T**, sinh năm 1996. "vắng mặt"

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Chí L, anh Phạm Mạnh C và bị cáo Nguyễn Văn T là bạn bè chơi chung với nhau. Ngày 25/5/2023 anh L, anh C và bị cáo T đang cùng nhau ở tại nhà trọ Tư Long 2 thuộc khu 6, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, khoảng 08 giờ cùng ngày, bị cáo T hỏi mượn một điện thoại di động hiệu Samsung A54 của anh L để chơi game thì anh L đưa điện thoại cho bị cáo T, một lúc sau bị cáo T kêu anh C lấy xe môtô hiệu Exciter, biển số 64F1-441.35 của anh L (xe do ông Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu đưa cho anh L quản lý, sử dụng) để đi nạp tiền chơi game (lúc này anh L đang ở phòng kế bên) thì anh C lấy chìa khóa xe, cắm vào ổ khóa để bị cáo T chở C đi nạp tiền chơi game. Sau khi nạp tiền xong bị cáo T chở anh C về nhà bị cáo T thuộc ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, tại đây bị cáo T nói với anh C đưa xe môtô hiệu Exciter, biển số 64F1-441.35 để đi chuộc điện thoại thì anh C đồng ý. Lúc này, anh L có gọi điện cho anh C hỏi để xe môtô trên ở đâu thì anh C nói đã cho bị cáo T mượn, thì được anh L đồng ý. Sau khi lấy được xe, ngày hôm sau (ngày 26/5/2023) bị cáo T đã nhờ anh Nguyễn Hoàng T, đem đến cầm cho ông Phạm Văn T với giá 5.000.000đ. Đến khoảng 17 giờ ngày 26/5/2023, anh L gọi điện thoại đòi xe và điện thoại thì bị cáo T hứa sẽ trả lại sau, đến ngày 27/5/2023 thì anh L tiếp tục gọi điện nhưng bị cáo T không bắt máy. Vào khoảng 20 giờ ngày 28/5/2023, anh L gặp bị cáo T tại cầu Trà Ôn thì bị cáo T nói xe môtô hiệu Exciter, biển số 64F1-441.35 và điện thoại di động hiệu Samsung A54 bị cáo T đã cầm với giá 5.000.000đ. Đến ngày 01/6/2023, anh L đã đến trình báo Công an thị trấn Trà Ôn, sau đó Công an thị trấn Trà Ôn đã chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn thụ lý theo thẩm quyền.

Theo Kết luận định giá tài sản số 31/KL-ĐGTS ngày 22/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Trà Ôn kết luận: 01 *(Một)* điện thoại di động hiệu Samsung A54 có giá tại thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 25/5/2023) là: 5.500.000đ *(Năm triệu năm trăm ngàn đồng)*.

Theo Kết luận định giá tài sản số 32/KL-ĐGTS ngày 22/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Trà Ôn kết luận: 01 *(Một)* xe môtô hiệu Exciter, biển số 64F1-441.35 có giá tại tại thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 25/5/2023) là: 19.000.000đ *(Mười chín triệu đồng)*.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Ông Nguyễn Văn T đã nhận lại xe môtô hiệu biển số 64F1-441.35 và không yêu cầu gì.

+ Anh Nguyễn Chí L yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền là 8.000.000đ.

+ Anh Phạm Văn T yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 5.000.000đ.

- Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

+ 01 *(Một)* xe môtô hiệu Exciter, biển số 64F1-441.35, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn đã trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn T là cha ruột anh Nguyễn Chí L xong.

+ Tài sản không thu giữ được: 01 *(Một)* điện thoại di động hiệu Samsung A54.

Ngày 07/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, ngày 27/01/2024 ra Quyết khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 25/CT-VKSTÔ ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố bị cáo là đúng hành vi của bị cáo, không oan, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại anh L số tiền 8.000.000đ *(Tám triệu đồng)*.

Bị hại anh Nguyễn Chí L trình bày: Ngày 25/5/2023, bị cáo T lợi dụng sự tin tưởng của anh, mượn điện thoại và xe môtô của anh rồi đem đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân, sau đó bỏ trốn. Về trách nhiệm hình sự: Yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu bị cáo bồi thường điện thoại cho anh với số tiền là 8.000.000đ *(Tám triệu đồng)*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Xe môtô hiệu Exciter, biển số 64F1-441.35 do ông đứng tên chủ sở hữu. Ông đã nhận lại xe xong nên không yêu cầu gì đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T trình bày: Ngày 26/5/2023 ông có cầm 01 xe môtô hiệu Exciter, biển số 64F1-441.35 với giá là 5.000.000đ, ông không biết xe do bị cáo phạm tội mà có, hiện ông đã giao nộp xe lại cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trà Ôn. Nay về trách nhiệm dân sự ông không yêu cầu gì đối với bị cáo T.

Kiểm sát viên đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 *(Một)* năm 06 *(Sáu)* tháng đến 02 *(Hai)* năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo và bị hại là bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Chí L số tiền 8.000.000đ *(Tám triệu đồng)*. Đối với ông Phạm Văn T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Lời khai sau cùng của bị cáo là bị cáo đã ăn năn hối cải về việc làm của bị cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về làm người công dân tốt, phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người làm chứng anh Phạm Mạnh C, anh Nguyễn Hoàng T và chị Đặng Thị Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa và trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của anh C, anh T và chị T, được Cơ quan Điều tra lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên việc xét xử vắng mặt anh C, anh T và chị T của Hội đồng xét xử là phù hợp pháp luật.

[3] Những chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản nhận dạng, kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua đó xác định: Vào khoảng 08 giờ ngày 25/5/2023, tại nhà trọ Tư Long 2 thuộc khu 6, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo

Nguyễn Văn T lợi dụng lòng tin của bị hại Nguyễn Chí L thông qua anh C để mượn 01 điện thoại di động hiệu Samsung A54 trị giá 5.500.000đ và 01 xe môtô hiệu Exciter, biển số 64F1-441.35 của anh Nguyễn Chí L (xe do Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu nhưng giao cho L quản lý, sử dụng) trị giá 19.000.000đ, sau đó mang điện thoại và xe môtô đi cầm để tiêu xài cá nhân rồi bỏ trốn. Nên hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Như vậy Cáo trạng số 25/CT-VKSTÔ ngày 14/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Chứng cứ xác định không có tội: Không có.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Mặt khác về nhân thân bị cáo đã từng bị xử phạt tù và đã có thời gian chấp hành án nhưng khi chấp hành án xong bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy chứng tỏ bị cáo xem thường sự trừng trị của pháp luật, nên cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tính răn đe và đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét bị cáo T không có nghề nghiệp, không có giữ chức vụ, thu nhập không ổn định. Nên Hội đồng xét xử xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử xét giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1] Ghi nhận ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo và bị hại là bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Chí L số tiền 8.000.000đ *(Tám triệu đồng)*.

[8.2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn T không yêu cầu đối với bị cáo T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trà Ôn đã trả lại tài sản thu giữ cho chủ sở hữu là có cơ sở, đúng quy định pháp luật nên không xem xét giải quyết.

- Đối với 01 *(Một)* điện thoại di động hiệu Samsung A54 quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trà Ôn chưa thu giữ được do trong quá trình điều tra bị cáo T không thừa nhận hành vi phạm tội là có cơ sở.

[10] Về vấn đề khác của vụ án: Đối với anh Phạm Mạnh C mượn xe của anh Nguyễn Chí L chở bị cáo T đi công việc tuy không có nói cho anh L biết, nhưng khi anh L phát hiện xe môtô không có ở nhà trọ thì có gọi điện hỏi thì anh C nói đang sử dụng xe và có đưa cho bị cáo T mượn thì anh L đồng ý, sau đó bị cáo T chiếm đoạt xe thì không có bàn bạc với anh C, bản thân anh C không có giúp sức và cũng không hưởng lợi gì từ bị cáo T; Đối với anh Nguyễn Hoàng T được bị cáo T nhờ mang xe đến cầm cho ông Phạm Văn T thì anh Nguyễn Hoàng T chỉ mang xe đi giúp bị cáo T, ngoài ra anh Nguyễn Hoàng T không tham gia bàn bạc, giúp sức và hưởng lợi ích gì từ bị cáo T; Đối với ông Phạm Văn T có nhận cầm xe nhưng không biết xe môtô do bị cáo T chiếm đoạt của người khác. Nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn không xử lý đối với anh Phạm Mạnh C, anh Nguyễn Hoàng T và ông Phạm Văn T là có cơ sở.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đ *(Bốn trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 6, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 6, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 *(Một)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn T.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo và bị hại là bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Chí L số tiền 8.000.000đ *(Tám triệu đồng)*.

3.2. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn T không yêu cầu đối với bị cáo T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đ *(Bốn trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng buộc bị cáo T phải nộp 600.000đ *(Sáu trăm ngàn đồng)*.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trà Ôn;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An